

Số: 13370/QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
Mua sắm thuốc bổ sung năm 2021 – 2022 (lần 5)  
của Bệnh viện Da Liễu**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Đấu thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc của các cơ sở y tế công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Bệnh viện Da Liễu tại Tờ trình số 849/TTr-BVDL ngày 12/06/2023 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc bổ sung năm 2021 – 2022 (lần 5);*

*Theo đề nghị của Tổ thẩm định tại Báo cáo thẩm định ngày 28/6/2023 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc bổ sung năm 2021 – 2022 (lần 5) cho Bệnh viện Da Liễu và các hồ sơ tài liệu đính kèm.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc bổ sung năm 2021 – 2022 (lần 5) với các nội dung chính như sau:

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu (Đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu thuốc generic	12.016.164.820	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; nguồn thu hợp pháp khác	Mua sắm trực tiếp	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý 3 năm 2023	Hợp đồng trọn gói	3 tháng
<b>Tổng cộng giá trị các gói thầu: 12.016.164.820 đồng</b> (Số tiền bằng chữ: Mười hai tỷ mười sáu triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn tám trăm hai mươi đồng)								

**Điều 2.** Giám đốc Bệnh viện Da Liễu chịu trách nhiệm về hình thức mua sắm, tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước và chịu trách nhiệm về số lượng thuốc sử dụng tại Bệnh viện Da Liễu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Da Liễu và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, NVD, KHTC;  
LND 4 (VTTH)



**Tăng Chí Thượng**



**DANH MỤC THUỐC**  
**Bệnh viện Da Liễu**

(Đính kèm Quyết định số 1822/QĐ-SYT ngày 20/11/2023 của Sở Y Tế)

**I. Gói thầu thuốc generic**

STT	Hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kê hoạch (VNĐ)	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Aciclovir	NHÓM 4	200mg	Uống	Viên		Viên	322	420	135.240
2	Aciclovir	NHÓM 4	25mg	Uống	Viên		Viên	20.800	17.000	353.600.000
3	Adapalen	NHÓM 4	0,1%, 15g	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài		Typ	980	59.000	57.820.000
4	Aluminium phosphat	NHÓM 4	20% (12,38g)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		Ông/gói	1.480	1.010	1.494.800
5	Amoxicilin + Acid clavulanic	NHÓM 4	1g + 0,2g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Chai/lọ/túi/ống	500	29.925	14.962.500
6	Calci carbonat + Vitamin D3	NHÓM 4	1.250mg + 200UI	Uống	Viên		Viên	77.000	1.422	109.494.000
7	Calcipotriol	NHÓM 4	0,005%, 30g	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài		Typ	2.700	95.500	257.850.000
8	Calcipotriol + Betamethason	NHÓM 1	(50mg + 0,5mg)/g, 15g	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài		Typ	800	288.750	231.000.000
9	Calcipotriol + Betamethason	NHÓM 1	(50mg + 0,5mg)/g, 15g	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài (Gai bôi da dầu)		Chai/lọ	5.085	282.480	1.436.410.800
10	Colchicin	NHÓM 4	1mg	Uống	Viên		Viên	2.500	265	662.500
11	Diosmin + Hesperidin	NHÓM 4	450mg + 50mg	Uống	Viên		Viên	900	805	724.500
12	Etoricoxib	NHÓM 2	30mg	Uống	Viên		Viên	3.500	4.000	14.000.000
13	Folic acid (vitamin B9)	NHÓM 4	5mg	Uống	Viên		Viên	10.900	165	1.798.500
14	Fusidic acid + Betamethason (valerat, dipropionat)	NHÓM 1	2% + 0,1%, 15g	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài		Typ	400	98.340	39.336.000
15	Gabapentin	NHÓM 4	300mg	Uống	Viên		Viên	2.610	438	1.143.180
16	Isotretinoin	NHÓM 4	10mg	Uống	Viên		Viên	2.500	2.400	6.000.000
17	Itraconazol	NHÓM 4	100mg	Uống	Viên		Viên	6.862	3.200	21.958.400
18	Kem gluconat	NHÓM 4	10mg Kem	Uống	Viên		Viên	265.000	155	41.075.000
19	Levocetirizin	NHÓM 4	5mg	Uống	Viên		Viên	125.000	148	18.500.000
20	Mometason furoat	NHÓM 5	0,1%, 20g	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài		Typ	1.164	55.000	64.020.000
21	Mupirocin	NHÓM 5	2%, 5g	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài		Typ	750	26.500	19.875.000
22	Mycophenolat	NHÓM 2	500mg	Uống	Viên		Viên	450	24.980	11.241.000
23	Natri clorid	NHÓM 4	0,9%, 10ml	Nhỏ Mắt, Nhỏ Mũi	Thuốc nhỏ mắt, Thuốc nhỏ mũi		Chai/lọ/ống	100	1.320	132.000
24	Povidon Iodin	NHÓM 4	10%, 90ml	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài		Chai/lọ	500	7.450	3.725.000
25	Rituximab	NHÓM 5	500mg/50ml, 50ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Chai/lọ/túi/ống	10	9.643.200	96.432.000
26	Salicylic acid + Betamethason dipropionat	NHÓM 2	(30mg + 0,5mg)/g, 30g	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài		Typ	1.350	94.000	126.900.000
27	Sắt (III) hydroxyd polymaltose + Acid folic	NHÓM 5	100mg Fe + 0,5mg	Uống	Viên		Viên	15.500	4.250	65.875.000
28	Secukinumab	NHÓM 1	150mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Chai/lọ/túi/ống	1.100	7.820.000	8.602.000.000
29	Silymarin	NHÓM 1	150mg	Uống	Viên		Viên	8.000	3.980	31.840.000
30	Tacrolimus	NHÓM 4	0,03%, 10g	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài		Typ	1.115	52.000	57.980.000

STT	Hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
31	Tacrolimus	NHÓM 4	0,1%; 10g	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài		Tuýp	2.445	71.000	173.595.000
32	Vitamin A	NHÓM 4	5.000UI	Uống	Viên		Viên	186.000	240	44.640.000
33	Vitamin B1 + B6 + B12	NHÓM 2	100mg + 200mg + 200mcg	Uống	Viên		Viên	13.320	1.100	14.652.000
34	Vitamin E	NHÓM 4	400UI	Uống	Viên		Viên	54.100	450	24.345.000
35	Vitamin H (B8)	NHÓM 4	10 mg	Uống	Viên		Viên	15.300	3.990	61.047.000
36	Vitamin PP	NHÓM 4	500mg	Uống	Viên		Viên	46.700	212	9.900.400
	<b>CỘNG</b>									<b>12.016.164.820</b>

## II . Tổng hợp

### 1 . Gói thầu thuốc generic

- Tổng số thuốc: 36
- + NHÓM 1: 5
- + NHÓM 2: 4
- + NHÓM 4: 23
- + NHÓM 5: 4

**Tổng giá trị dự kiến của các gói thầu:**

**(Bảng chữ: Mười hai tỷ mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn tám trăm hai mươi đồng)**

- Trị giá: 12.016.164.820 đồng
- Trị giá: 10.340.586.800 đồng
- Trị giá: 166.793.000 đồng
- Trị giá: 1.262.583.020 đồng
- Trị giá: 246.202.000 đồng
- 12.016.164.820 đồng**